TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DS-PT.
Ngày: 28 – 4 - 2020.
V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng, Ông Nguyễn Duy Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2019/TLPT-DS về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐPT- DS ngày 19/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2020/QĐ – PT ngày 10/3/2020, thông báo chuyển lịch xét xử số 214 ngày 31/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình T, sinh năm: 1959; Trú tại: Thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Đinh Hữu O, sinh năm: 1954; Trú tại: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Lệ T; Địa chỉ: đường Z, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị D, sinh năm 1955. (Vắng mặt)
2. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1982. (Vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Đặng T1, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà D, chị H, anh T1 ủy quyền cho ông Đinh Hữu O tham gia tố tụng).

4. Bà Trương Thị L, sinh năm 1966. (Vắng mặt)
5. Anh Lê Đình Q, sinh năm 1990. (Có mặt)

6. Anh Lê Đình P, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà L, anh Q, anh P ủy quyền cho ông Lê Đình T tham gia tố tụng)

7. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ủy ban nhân dân xã E, huyện M. Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chưng:

1. Bà Nhữ Thị T2, sinh năm 1971. (Vắng mặt)
2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1954. (Vắng mặt)
3. Ông Nguyễn Biên C, sinh năm 1950. (Có mặt)
4. Ông Ngân Văn E, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Nguyễn Viết L1, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 01, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Đình T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đình T trình bày:

Từ tháng 8/1995 đến tháng 8/1996, ông T công tác tại trường Tiểu học S xã E, huyện M. Thời gian đó ông T không có hộ khẩu tại xã E, đã có nhà tại xã K nhưng để thuận tiện cho công tác nên ngày 23/10/1995, ông T làm đơn xin cấp đất để làm nhà ở. Ngày 24/10/1995, UBND xã E xác nhận cấp cho ông T 01 lô đất ở, chiều ngang lô đất là 5m mặt đường Quốc lộ 26, chiều dài 20m tại thôn 2, xã E, vị trí thửa đất như trong sơ đồ ông Hà Đức S (cán bộ địa chính xã E thời gian đó, ông S đã chết năm 2002) vẽ ngày 24/10/1995. UBND xã E đã thông báo cho ông T nộp tiền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD) tại UBND xã E 1.000.000đồng (có biên lai), ông Hà Đức S nói chờ cấp GCNQSD đất là được sử dụng. Từ đó cho đến nay ông T vẫn chưa được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất trên. Năm 1996, ông T chuyển công tác đi nơi khác nên không biết ông O được cấp GCNQSD đất và sử dụng thửa đất nói trên.

Năm 1998, khi biết ông O làm thủ tục cấp GCNQSDĐ này. Ông T đã phản ánh bằng miệng với ông O và UBND xã nhưng không được giải quyết. Năm 2008, ông O xây nhà trên đất cho chị Đinh Thị H ở, ông T làm đơn yêu cầu UBND xã dừng việc làm nhà của ông O. Năm 2017, ông T làm đơn yêu cầu UBND xã giải quyết việc tranh chấp đất đai.

Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông O phải trả lại diện tích đất 100m^2. Vị trí: Đông giáp đất của bà Vũ Thị N dài 20m; Tây giáp lô đất trống làm đường đi

dài 20m; Nam giáp đường Quốc lộ 26 dài 5m; Bắc giáp đất trống dài 05m (nay chị Đinh Thị H đang sử dụng)

+ Theo đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 09/11/2018, ông T yêu cầu: Hủy GCNQSDĐ số O 376022 đối với thửa 129a diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 6 cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O tọa lạc tại thôn 2, xã E. Buộc chị Đinh Thị H phải di dời nhà và công trình xây dựng, cây cối, hoa màu trên đất. Ngày 11/4/2019, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 0,99m^2 diện tích đất tranh chấp.

Tại bản tự khai, cùng các tài liệu khác và tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Hữu O, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị D (vợ ông O), vợ chồng chị Đinh Thị H (con ông O) anh Nguyễn Đặng T (chồng chị H) trình bày:

Ngày 16/01/1995, ông O làm đơn xin cấp đất chiều ngang 05m mặt đường Quốc lộ 26 tại thôn 2, xã E, không xác định chiều dài và diện tích thửa đất xin cấp. Ngày 09/02/1995, chủ tịch UBND xã E đã phê duyệt và thông báo thu lệ phí cấp đất. Ngày 15/3/1995, ông O đã nộp đủ tiền lệ phí cấp đất. UBND xã đã tiến hành kiểm tra đất (tại biên bản ngày 04/5/1995) đã phê duyệt và làm thủ tục đề nghị UBND huyện cấp đất đối với diện tích 350m^2 tại vị trí đất hiện nay đang tranh chấp theo đúng quy định. Khi cấp đất chưa có mô mốc rõ ràng, nguồn gốc đất do UBND xã quản lý. Cuối năm 1995, gia đình ông O cùng với hộ bà Vũ Thị N, ông Lê Viết Đ (đã đi nơi khác sinh sống), bà Nhữ Thị T2 san ủi mặt bằng thửa đất và tự cắm mô mốc.

Năm 1998, ông O làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên và đã được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số O 376022 ngày 04/12/1998 tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6, diện tích 350m^2. Năm 2008, vợ chồng ông O cho chị Đinh Thị H làm nhà ở. Ông T chỉ công tác tại trường tiểu học Lê Hồng P vài tháng rồi chuyển đi, không đăng ký hộ khẩu thưởng trú tại xã E, trong Đơn xin cấp đất ngày 23/10/1995 của ông T không có xác nhận của lãnh đạo đơn vị đang công tác.

Vị trí thửa đất được cấp và hiện trạng sử dụng đất hiện nay có sự thay đổi do đường đi của thôn mở rộng vào phía đuôi thửa đất. Diện tích đất hiện nay gia đình đang sử dụng chỉ 172,86 m^2 (thiếu 177,14m^2) so với diện tích đất được cấp. Ông O, bà D, chị H và anh T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị UBND huyện điều chỉnh diện tích đất tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6 theo GCNQSDĐ số O 376022 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 04/12/1998 theo đúng diện tích hiện trạng đang sử dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị L (vợ ông T), anh Lê Đình Q và anh Lê Đình P (con của ông T) ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại Công văn số 439/UBND-TNMT ngày 13/5/2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M: Trước năm 1995, khu vực đất tranh chấp bỏ hoang không ai sử dụng. Ngày 16/01/1995, ông Đinh Hữu O có Đơn đề nghị xin cấp đất được UBND xã E xác nhận ngày 09/02/1995; Ngày 24/10/1995, ông T cũng có đơn xin cấp đất được UBND xã xác nhận, không thể hiện rõ vị trí, ranh giới tứ cận cụ thể và chưa làm thủ tục để được cấp đất theo quy định của pháp luật.

Năm 1998, xã E được đo đạc bản đồ giải thửa, ông Đinh Hữu O kê khai đăng ký thửa đất số 129a, tờ bản đồ số 6, diện tích 350m^2 đất nông nghiệp được UBND xã E xét duyệt đủ điều kiện đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ tại Tờ trình số 07/TT-UBND ngày 28/11/1998. Ngày 04/12/1998, UBND huyện ban hành Quyết định số 306/QĐ-UB về việc cấp GCNQSD đất cho các chủ sử dụng đất trên địa bàn xã E, trong đó có hộ ông Đinh Hữu O được cấp GCNQSD đất số O 376022 diện tích 350m^2 tại thửa số 129a, tờ bản đồ số 06. Quy trình cấp GCNQSD đất cho hộ ông Đinh Hữu O được thực hiện theo trình tự quy định về đo đạc, kê khai đăng ký, xét duyệt công khai, cấp GCNQSDĐ. UBND xã EaPil công khai danh sách xét duyệt hồ sơ, hộ ông Đinh Hữu O đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Hộ ông Lê Đình T và các hộ khác không có ý kiến gì về việc cấp GCNQSDĐ. Năm 1998, ông T không kê khai đăng ký để được cấp GCNQSDĐ, từ năm 1995 đến nay hộ ông T không sử dụng đất ngày nào. Căn cứ vào nguồn gốc, giấy tờ về đất đai, quá trình sử dụng đất, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại công văn số 07/CV-UBND ngày 22/03/2019 và Công văn số 10/CV-UBND ngày 15/5/2019 của UBND xã E:

UBND xã E cùng quan điểm với UBND huyện M về nguồn gốc, việc xin cấp đất và trình tự đăng ký kê khai cấp GCNQSD đất của hộ ông Đinh Hữu O.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì trong sơ đồ mà ông T cung cấp do ông Hà Đức S vẽ bằng tay không có số thửa và tờ bản đồ thì không có cơ sở để xác định vị trí đất cấp cho ông T. Ông T nộp cho UBND xã 1.000.000đồng, trong đó 400.000đồng đã nộp vào ngân sách Nhà nước, số tiền 600.000đồng Chi cục thuế huyện M đã thu ngày 25/12/1995. Năm 1998, ông T không kê khai đăng ký để được cấp GCNQSDĐ, từ năm 1995 đến nay ông T không sử dụng đất. Căn cứ vào nguồn gốc, giấy tờ về đất đai, quá trình sử dụng đất, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 87, 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, các Điều 192, 217, 218, 219, 220, 227, 228, 243, 244, 266, 271 và Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 6, 12, 82, 98, 99, 100, 101, 106, 202 và 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình T về yêu cầu bị đơn ông Đinh Hữu O phải trả diện tích đất 0,99m^2 tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6 theo GCNQSD đất số O 376022 do UBND huyện M cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O.

2. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện sau đây của nguyên đơn ông Lê Đình T:

+ Yêu cầu bị đơn ông Đinh Hữu O phải trả lại diện tích 99,01m^2 tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6 theo GCNQSD đất số O 376022 do UBND huyện M cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O tọa lạc tại thôn 2, xã E.

+ Yêu cầu hủy GCNQSDĐ số O 376022, ngày 04/12/1998 đối với thửa 129a diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 6 đã cấp cho hộ ông Đinh Hữu O;

+ Yêu cầu buộc chị Đinh Thị H phải di dời nhà và công trình xây dựng, cây cối, hoa màu trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2019, nguyên đơn ông Lê Đình T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hình thức: Kháng cáo của bà V trong thời hạn luật định. Bà V đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung: Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình T về việc: Yêu cầu bị đơn ông Đinh Hữu O phải trả lại diện tích đất 99,01m^2 tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6 theo GCNQSD đất số O 376022 do UBND huyện M cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O, cũng như yêu cầu Tòa án Hủy GCNQSDĐ nói trên đồng thời yêu cầu Tòa buộc chị Đinh Thị H phải di dời nhà và công trình xây dựng, cây cối, hoa màu trên đất là không có căn cứ pháp lý. Ông T và ông O đều có làm đơn xin cấp đất nhưng đơn ông O làm trước ông T gần 09 tháng, UBND xã xác nhận đơn xin cấp đất cho hai ông nhưng ông O cũng được xác nhận trước đó thời gian khá lâu; điều kiện xin được cấp đất theo quy định thì ông O đủ điều kiện cấp đất còn ông T không có hộ khẩu tại xã E nên không đủ điều kiện được cấp. Mọi trình tự, thủ tục cấp đất cho ông O đều phù hợp và đúng pháp luật; ông O sử dụng đất từ năm 1995 đến nay, đã xây nhà và các công trình kiên cố sử dụng đến 2017 thì ông T mới tranh chấp. Việc ông T cho rằng ông đã được UBND xã E cấp đất từ năm 1995 là không đúng vì UBND xã không có thẩm quyền cấp đất, ông T cũng

không đưa ra được chứng cứ để chứng minh diện tích đất nói trên ông đã được cấp. Do đó đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Lê Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Hữu O phải trả lại diện tích đất 99,01m^2. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" thụ lý và giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình T:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 129a, tờ bản đồ số 6 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp GCNQSDĐ số O 376022, ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O. Và thửa đất trên ông Đinh Hữu O cho vợ chồng con gái là bà Đinh Thị H và ông Nguyễn Đặng T mượn đất và xây nhà ở từ năm 2008 cho tới nay.

Ông T khai ông làm đơn xin cấp đất ngày 23/10/1995 trong khi đó ông O làm đơn xin cấp đất ngày 16/01/1995, như vậy ông O làm đơn xin cấp diện tích đất nói trên trước ông T gần 09 tháng; Ngày 24/10/1995 ông T được xã xác nhận vào đơn xin cấp đất (người ký xác nhận không đúng thẩm quyền), trong khi đó ông O được chủ tịch UBND xã xác nhận ngày 09/02/1995. Như vậy, ông O được xã xác nhận cấp đất nói trên trước ông T hơn 08 tháng; Việc xin cấp đất của ông T không thể hiện rõ vị trí, ranh giới lô đất, không làm các thủ tục kê khai để cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật, chưa sử dụng đất ngày nào, còn bên phía ông O theo ý kiến của UBND xã và UBND huyện cũng như các tài liệu khác thể hiện các thủ tục trình tự cấp đất cho ông O là đảm bảo và đúng pháp luật; UBND xã đã tiến hành kiểm tra đất tại biên bản ngày 04/5/1995 và đã phê duyệt và làm thủ tục đề nghị UBND huyện cấp đất đối với diện tích 350m^2 tại xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông O đã tiến hành san lấp đất và xây nhà, sử dụng đất từ năm 1995 đến 2017 thì ông T mới làm đơn tranh chấp; Đất ông O được cấp GCNQSD Đ 350m^2 nhưng thực tế hiện nay ông cũng chỉ sử dụng 172,86m^2 không lấn chiếm đất của ai.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình T - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Lê Đình T.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình T - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ các Điều 6, 12, 82, 98, 99, 100, 101, 106, 202 và 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình T về yêu cầu bị đơn ông Đinh Hữu O phải trả diện tích đất 0,99m^2 tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6 theo GCNQSD đất số O 376022 do UBND huyện M'Đrăk cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O tọa lạc tại thôn 02, xã E, huyện M, tỉnh Đăk Lăk.

2. Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình T: Về việc yêu cầu bị đơn ông Đinh Hữu O phải trả lại diện tích đất 99,01m^2 tại thửa 129a, tờ bản đồ số 6 theo GCNQSD đất số O 376022 do UBND huyện M cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O tọa lạc tại thôn 2, xã EaPil, huyện M, tỉnh Đăk Lăk, đất có tứ cận: Đông giáp đất của bà Vũ Thị N dài 20m; Tây giáp đường bê tông dài 20m; Nam giáp đường Quốc lộ 26 dài 5m; Bắc giáp đất của bà Đinh Thị H đang sử dụng dài 4,74m. Trên đất có các tài sản gồm: 01 giếng xây bằng bê tông đặt bằng ống bi, 01 nhà xây, mái che lợp tôn.

+ Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình T về việc yêu cầu Hủy GCNQSDĐ số O 376022 đối với thửa 129a diện tích 350m^2, tờ bản đồ số 6 cấp ngày 04/12/1998 cho hộ ông Đinh Hữu O.

+ Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình T về việc yêu cầu buộc chị Đinh Thị H phải di dời nhà và công trình xây dựng, cây cối, hoa màu trên đất.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Đình T phải chịu 3.000.000đồng tiền chi phí tố tụng về xem xét thẩm định và định giá tài sản, được trừ vào số tiền 3.000.000đồng mà ông T đã nộp. Ông T đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Lê Đình T. Trả lại cho ông T 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí

mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0004635 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức